

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Luật học Chuyên ngành: Luật Hiến Pháp – Luật Hành Chính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. **Họ và tên người đăng ký:** PHAN THỊ LAN HƯƠNG

2. **Ngày tháng năm sinh:** 28/11/1975; Nam; Nữ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

3. **Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:**

4. **Quê quán:** Xã Sơn Trung, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh

5. **Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:** Phòng 306, A4 Tập thể Đại học Pháp lý, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

6. **Địa chỉ liên hệ:** Phòng Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Luật Hà Nội, 87 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

– Điện thoại nhà riêng: 02438543930.; Điện thoại di động: 0915281175;

– E-mail: phanhuong@hlu.edu.vn

7. **Quá trình công tác** (công việc, chức vụ, cơ quan):

– Từ năm 1997 đến năm: 2012, giảng viên môn Luật Hành chính, Trường Đại học Luật Hà Nội

– Từ tháng 2/2014 đến nay: giảng viên kiêm chức, Phó trưởng phòng Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Luật Hà Nội

– Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng phòng ; Chức vụ cao nhất đã qua: không có

– Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Luật Hà Nội

– Địa chỉ cơ quan: 87 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

- Điện thoại cơ quan: 02437731453
- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Đại học Việt Nhật (dự kiến từ 2020)

8. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 4 năm 1997, ngành: Luật học, chuyên ngành: Luật Kinh tế
Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Luật Hà Nội, Việt Nam
- Được cấp bằng ĐH ngày 14 tháng 7 năm 1998, ngành Tiếng Anh
- Được cấp bằng ThS ngày 25 tháng 9 năm 2003, ngành: Luật học và Chính trị so sánh, chuyên ngành: Luật Hành chính
Nơi cấp bằng ThS: Đại học Tổng hợp Nagoya, Nhật Bản
- Được cấp bằng TS ngày 27 tháng 9 năm 2012, ngành: Luật học và Chính trị so sánh; chuyên ngành: Luật Hành Chính
Nơi cấp bằng TS: Đại học Tổng hợp Nagoya, Nhật Bản

9. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Luật Hà Nội:

10. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Luật học

11. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Luật Hiến Pháp và Luật Hành Chính: Nghiên cứu về cải cách tổ chức bộ máy nhà nước, thủ tục hành chính, nhà nước pháp quyền; và quyền con người (đặc biệt là quyền của nhóm yếu thế) trên cơ sở nghiên cứu so sánh giữa pháp luật quốc gia với các công ước quốc tế và kinh nghiệm của một số quốc gia (chủ yếu là Nhật Bản); về đào tạo pháp luật trong thời kỳ hội nhập.

12. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 06 HVCH bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ và nhiều sinh viên bảo vệ thành công khóa luận tốt nghiệp đại học
- Đã chủ nhiệm thành công 01 đề tài NCKH cấp trường Đại học Luật Hà Nội, 01 đề tài do tổ chức Sumitomo-Foundation, Nhật Bản tài trợ thực hiện nghiên cứu tại Đại học Nagoya – Nhật Bản; 01 đề tài do UNDP hỗ trợ tài chính và kỹ thuật; đã tham gia 04 đề tài cấp trường, 04 đề tài cấp bộ và 02 đề tài cấp nhà nước.

- Đã công bố 15 Bài báo KH (tác giả và đồng tác giả); trong đó có 02 bài báo quốc tế xuất bản trực tuyến có mã số ISSN;
- Đã công bố 01 Báo cáo khoa học tại hội thảo quốc gia có mã số ISBN và dự kiến công bố 01 báo cáo khoa học quốc tế có mã số ISBN vào tháng 7/2020 (có xác nhận).
- Đã có 09 sách xuất bản, trong đó: chủ biên 02 cuốn, tham gia viết 07 cuốn (tác giả chương). Trong tổng số 09 cuốn sách, có 05 cuốn xuất bản bằng tiếng Anh ở Đức và Nhật Bản. Dự kiến xuất bản thêm 01 cuốn sách chuyên khảo do tác giả viết chính vào tháng 7/2020 (đã có xác nhận của nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật)

13. Các công trình khoa học tiêu biểu:

1. Phan Thị Lan Hương, *Reforming local government in Vietnam – lesson learnt from Japan*, Nxb Lambert Academic Publishing, Đức, 2012, ISBN: 978-3-6593-0370-8.
2. Phan Thị Lan Hương, *The role of Vietnamese government in legislation – in comparison with Japan*, Center for Asian Legal Exchange, Nagoya University, CALE Discussion Paper, No.11/2014.¹
3. KEIGLAD, How Civil Law is Taught in Asian Universities, *Chapter 2: Overview of the Vietnamese legal system*, (2019): Nxb: Keio University press inc: ISBN 978-4-7664-2589-5.²
4. Phan Thị Lan Hương, *Reforming law on administrative procedures towards a rule-of-law state in Vietnam*, Gdańsk Studies of East Asia, 16/2019, tr.152- 163; ISSN: 2084-2902, e-ISSN 2353 8724.
5. Phan Thị Lan Hương, *Adoption of the Constitutional Council towards the Rule of Law State and Democratization in Vietnam*, Nagoya University Asian Law Bulletin. Vol.5.2020.3; ISSN : 2188-1952.³

14. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Kỷ niệm chương: Vì sự nghiệp Tư pháp năm 2018.
- 01 lần được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác (năm 2018)

¹ Theo THE, Đại học Nagoya là trường Đại học được xếp hạng trong top 301-350 trường theo World University Ranking 2020, và chỉ số ảnh hưởng là 201-300 impact ranking 2020, và xếp hạng thứ 7 trong số các trường Đại học của Nhật Bản, <https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings/nagoya-university>

² Theo THE, Đại học Keio là trường Đại học được xếp hạng trong top 601-800 trường theo World University Rankings 2020, và chỉ số ảnh hưởng là 301-400 impact ranking 2020, và xếp hạng thứ 14 trong các trường Đại học của Nhật Bản. <https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings/keio-university>

- 01 lần được nhận Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác (năm 2005).
- 02 lần được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2015, 2016.

15. Kỹ luật: Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- *Về phẩm chất chính trị tư tưởng:* Tôi luôn có tư tưởng lập trường chính trị vững vàng, nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tôi luôn tích cực học tập để nâng cao trình độ lý luận – chính trị và tham gia đầy đủ các hoạt động chính trị - xã hội của nhà trường.
- *Về đạo đức, lối sống:* Là một giảng viên, tôi luôn đảm bảo tuân thủ những nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp. Đối với đồng nghiệp, tôi luôn có thái độ hợp tác và tôn trọng, chia sẻ và học hỏi lẫn nhau để nâng cao năng lực chuyên môn. Tôi luôn có thái độ tôn trọng và thân thiện với sinh viên, học viên, nghiêm túc trong công tác giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu khoa học, bảo đảm nguyên tắc khách quan, công bằng trong công tác đào tạo, giáo dục sinh viên, học viên.
- *Về năng lực chuyên môn, nghề nghiệp:* luôn chủ động, tích cực trong hoạt động học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy. Nỗ lực vận dụng những kỹ năng, kiến thức với phương pháp nghiên cứu khoa học, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn để tham gia thực hiện các công trình nghiên cứu, chia sẻ các báo cáo, tham luận tại các hội thảo quốc tế.
- *Với tư cách là giảng viên:* tôi luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học của mình. Để đạt trình độ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ đối với công tác nghiên cứu và giảng dạy, tôi đã được công nhận học vị tiến sĩ luật học năm 2012.
- *Với tư cách là lãnh đạo quản lý:* tôi chủ động, tích cực trong công việc được phân công, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.
- *Về sức khỏe:* Tôi có đủ sức khỏe để đảm nhiệm công việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Nhìn chung, tôi tự đánh giá mình đã đáp ứng được tất cả các yêu cầu của một giảng viên đại học, và hoàn thành tốt nhiệm vụ của người giảng viên do Nhà trường và Tổ bộ môn phân công. Tôi cũng đã hoàn thành tốt các công việc của Phòng Hợp tác Quốc tế theo sự phân công của lãnh đạo.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số: 19 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2013-2014					382	0	382/270
2	2014-2015					121.4	19.8	141,2/81*
3	2015-2016					158.4	61.6	220/81*
4	2016-2017		1	1		167.8	56	223.8/81*
3 năm học cuối								
5	2017-2018	1	1	2		177.2	154.6	331.8/81*
6	2018-2019	1	1	3	1	138	48	186/81*
7	2019-2020	2	1	3		135	45	245/81*

* Từ năm 2014 đến nay, tôi được bổ nhiệm chức vụ Phó trưởng phòng Hợp tác Quốc tế - Trường Đại học Luật Hà Nội và được giảm trừ 70% giờ giảng so với định mức.

3. Ngoại ngữ:

.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài X :

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ nămđến năm
- Bảo vệ luận văn ThS x hoặc luận án TS x hoặc TSKH ; Tại nước: Nhật Bản năm 2003 và 2012

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Tiếng Anh số bằng: B107785; năm cấp: 1998

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy một số môn học trong chương trình đào tạo cử nhân luật và ngôn ngữ Anh bằng ngoại ngữ : Tiếng Anh
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Luật Hà Nội
- Môn học giảng dạy bằng tiếng Anh bao gồm:
 - (i) Introduction to the Vietnamese legal system
 - (ii) Organization and operation of judicial organs in Vietnam
 - (iii) Fundamental civil rights in the modern world
 - (iv) Các khóa học ngắn hạn do Trường Đại học Luật Hà Nội tổ chức cho sinh viên quốc tế đến từ các trường University of San Fransico (Mỹ), Keio Law School, Nagoya Law School (Nhật Bản) Waikato (New Zealand)

- (v) Giảng dạy chuyên đề tổng quan về pháp luật Việt Nam cho sinh viên của Đại học Nagoya – Nhật Bản
- (vi) Đã trình bày nhiều tham luận bằng tiếng Anh tại các hội thảo quốc tế: Hội thảo 16th Asian Law Institute Conference 2019 (ASLI 16) do Viện Pháp luật Châu Á – Đại học Quốc gia Singapore tổ chức; Hội thảo Asian Law and Society Association (ALSA) lần thứ 4 tổ chức tại Đại học Osaka- Nhật Bản; Hội thảo quốc tế 8th Asian Constitutional Law Forum: Asian Constitutional Law: Recent Development and Trends, do Khoa Luật – Đại học Quốc gia tổ chức; Hội thảo: Senior Officials Conference on Gender Mainstreaming in the ASEAN Political – Security Community (APSC) tổ chức tại Philippines.

d) Đối tượng khác □ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh: Cử nhân Tiếng Anh; trực tiếp giảng dạy, phiên dịch Anh – Việt

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Như Hoa		x	X		2015- 2017	ĐHLHN	2017/QĐ số 4150/QĐ-ĐHLHN
2	Cao Đại Đoàn		x	X		2016 - 2018	ĐHLHN	2018/257/QĐ-ĐHLHN
3	Nguyễn Thị Thảo		x	X		2017- 2019	ĐHLHN	2019/4731/QĐ-ĐHLHN
4	Vũ Trung Dũng		x	X		2017 - 2019	ĐHLHN	2019/4730/QĐ-ĐHLHN
5	Nguyễn Thị Thanh Nga		x	X		2017 -2019	ĐHLHN	2019/4730/QĐ-ĐHLHN
6	Hoàng Hải Hương		x	X		2017 - 2019	ĐHLHN	2019/975/QĐ-ĐHLHN (đợt 2)

6. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)

Trước khi bảo vệ học vị Tiến sĩ						
1	Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam (Tác giả chương 5&6)	TK	Nxb Giáo dục Việt Nam 2010	06	86-113	X
Sau khi bảo vệ học vị Tiến sĩ						
2	Reforming Local Government in Viet Nam- lesson learned from Japan (Cải cách chính quyền địa phương ở Việt Nam – Từ bài học kinh nghiệm của Nhật bản ⁴ ISBN: 978-3-659-303-70-8	CK	Nxb Lambert Academic Publishing, Đức 2012	01	1-186	X
3	The role of Vietnamese Government in legislation – in comparison with Japan. ⁵	CK	Center for Asian Legal Exchange, Nagoya University	01		X
4	Đổi mới hệ thống thể chế phát triển bền vững Vùng Tây Nguyên: Lý luận & Thực tiễn ISBN: 978-604-9440-28-1	TK	Nxb: Khoa học xã hội	12 ⁶	132 – 143	X
5	Comparative Legal Education from Asian Perspective ISBN; 978-4-7664-2463-8	TK	Keio University press inc. 2016	11	17-30	X
6	Nhà nước kiến tạo phát triển – Lý luận, thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam	TK	Nxb Lý luận chính trị 2017	31	286-298	X
7	Phân tích tình hình trẻ em thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam năm 2017 (Tiếng Anh: Situation Analysis of children in Ho Chi Minh city Viet Nam 2017 (Chapter 5,6) ⁷	TK	UNICEF UBND TP Hồ Chí Minh	4	1-173	

⁴Công trình này đang được bán trên amazon books: https://www.amazon.com/Reforming-Local-Government-Vietnam-learned/dp/3659303704/ref=sr_1_1?dchild=1&keywords=reforming+local+government+in+Vietnam+lesson+learned+from+Japan&qid=1591246208&s=books&sr=1-1

⁵ http://cale.law.nagoya-u.ac.jp/_userdata/CALE%20Discussion%20PaperNo11.pdf

⁶ Có nội dung trùng với bài báo đăng trên tạp chí Nhà nước pháp luật mục 7.1 (3).

⁷Đây là công trình nghiên cứu do tổ chức UNICEF hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật thực hiện nghiên cứu về tình hình trẻ em của thành phố Hồ Chí Minh.

8	How Civil Law is Taught in Asian Universities ISBN: 978-4-7664-2589-5	TK	Keio University press inc. 2019	22	99-120	X
9	How public Law is taught in Asian Universities ISBN: 978-4-7664-2660-1	TK	Keio University press inc. 2020	10	19-40	X
10	Bảo đảm quyền của nhóm yếu thế - khoảng trống pháp lý và khuyến nghị cho Việt Nam ISBN: 978-604-57-5770-3	CK	Nxb Chính trị quốc gia Sự thật	01		Dự kiến 10/7/2020 Số đăng ký: 1989-2020/CXBIPH/4-308/CTQG

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	Áp dụng pháp luật trong xử lý vi phạm hành chính	Thành viên	Đề tài cấp trường	2009	2009
2	Hoạt động xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường	Thành viên	Đề tài cấp trường	2011	2011
3	Xây dựng luận cứ khoa học cho việc bổ sung và đổi mới hệ thống thể chế phát triển bền vững vùng Tây Nguyên	Thành viên	Chương trình cấp Nhà nước, Mã TN3/X09	2012-2015	2015
4	Nghiên cứu cơ sở kế hoạch xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật bảo đảm phát triển bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế	Thành viên	Chương trình cấp Nhà nước KX.02.05/11-15	2012-2015	2015
5	Tự quản địa phương ở Thái Lan và Trung Quốc: Bản chất, đặc điểm, mô hình và cơ chế vận hành	Thành viên	Đề tài cấp Bộ, Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư Pháp	2014	2014
6	Yêu cầu về nội dung, hình thức bài đăng và quy trình biên tập của một số tạp chí chuyên ngành luật ở Nhật Bản và kinh nghiệm cho Tạp chí Luật học	Thành viên	Đề tài cấp trường	2014	2014

<https://www.unicef.org/vietnam/media/1526/file/Ph%C3%A2n%20%C3%ADch%20t%C3%ACnh%20h%C3%ACn%20tr%E1%BA%BB%20em%20Th%C3%A0nh%20ph%E1%BB%91%20H%E1%BB%93%20Ch%C3%AD%20Minh%20.pdf>

7	Đổi mới tổ chức mô hình chính quyền đô thị ở nước ta Đề tài cấp Bộ Viện Nghiên cứu lập pháp	Thành viên	Chủ nhiệm đề tài: TS. Lê Minh Thông	2012-2014	2014
8	Hoàn thiện pháp luật về ban hành quyết định hành chính ở nước ta trong giai đoạn hiện nay	Thành viên	Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS Nguyễn Văn Quang	2015	2015
9	Ủy quyền lập pháp – Thực tiễn quốc tế và cơ chế thực hiện trong điều kiện của Việt Nam	Thành viên	Đề tài cấp Bộ, PGS.TS Tô Văn Hòa Bộ Tư Pháp, Viện Khoa học Pháp lý	2014-2016	2016
10	Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng, hoàn thiện chính quyền cơ sở ở nước ta Đề tài cấp Bộ Viện Nghiên cứu lập pháp	Thành viên	Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Lê Minh Thông	2013-2015	2015
11	Pháp Luật Hành Chính Việt Nam trong thời kỳ hội nhập	CN	Trường ĐH Luật Hà Nội	2016 – 2018	2018
12	Báo cáo khảo sát đầu vào Thành phố an toàn cho phụ nữ và trẻ em gái ở Thành phố Hồ Chí Minh	Thành viên	UN Women và Sở LĐTBXH Thành phố Hồ Chí Minh	2017 – 2018	2018
13	Đánh giá tác động chính sách phòng chống bạo lực giới, giảm hại và hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm	CN	SCDI và Cục Phòng chống tệ nạn xã hội- Bộ LĐDTBXH	2018	2018
13	Legal framework on management of the foreign workers in Japan and its application for Vietnam	CN	Sumitomo Foundation-Japan-Đại học Nagoya ⁸ (đề tài cấp cơ sở)	2018-2019	2019
14	Report on reviewing Vietnam's law on person with disabilities in comparison with Convention on the rights of person with disabilities and the best practices	CN (Team leader)	UNDP và Cục Bảo trợ Xã hội – Bộ LĐTBXH (Đề tài cấp cơ sở)	2019 – 2020	2020

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

⁸ Đây là đề tài nghiên cứu đã được ứng cử viên đăng ký theo đề xuất của Trung tâm trao đổi pháp luật Châu Á - Đại học Nagoya đề xuất và được quỹ Sumitomo Foundation quyết định tài trợ (900.000 Yên) trong số 478 ứng cử viên của 17 quốc gia trong khu vực Châu Á nộp hồ sơ, thông tin có trên trang website của quỹ và có minh chứng kèm theo hồ sơ: The Research Projects awarded in Fiscal 2017, Sumitomo Foundation, <http://www.sumitomo.or.jp/e/>

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tạp/số	Trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị Tiến sĩ								
1	Tính hợp lý, khả thi của một số biện pháp xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình	01	Tạp chí Luật học ISSN 1859-2953			2/2009	41-47	2009
2	Kinh nghiệm cải cách của Nhật Bản về việc xây dựng mô hình chính quyền địa phương ở Việt Nam	01	Nghiên cứu lập pháp ISSN: 1859-2953			10/2012	57 - 61, 64.	5/2012
Sau khi bảo vệ học vị Tiến sĩ								
1	Nâng cao năng lực và trách nhiệm của công chức Việt Nam- Bài học từ kinh nghiệm của Nhật Bản	01	Tạp chí Luật học ISSN 0868-3522			12(163)/2013	356-63	2013
2	Criminalizing illicit enrichment: A chance to fight corruption and recover Vietnam's stolen assets ⁹	04	Vietnam Law and Legal Forum			6/2014		2014
3	Đánh giá hoạt động ban hành văn bản chính sách phục vụ mục tiêu phát triển bền vững vùng Tây Nguyên	02	Tạp chí Nhà nước và Pháp luật ISSN: 0866-7446			10 (318)/2014	25-31	2014
4	Khắc phục rào cản nhằm bảo đảm tiếp cận công lý cho phụ nữ bị bạo lực tình dục ở Việt Nam	01	Tạp chí Luật học ISSN 0868-3522			9(196)/2016	22-36	2016
5	Áp dụng ủy quyền lập pháp để thực hiện quyền lập pháp và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở Việt Nam ¹⁰	11	Thông tin Khoa học Pháp lý ISSN: 1859-0160			4/2016		2016

⁹ <https://vietnamlawmagazine.vn/criminalizing-illicit-enrichment-a-chance-to-fight-corruption-and-recover-vietnams-stolen-assets-3791.html>

¹⁰ Kết quả nghiên cứu Đề tài cấp Bộ của nhóm tác giả

6	Mô hình tự quản địa phương của một số quốc gia trên thế giới ¹¹	04	Thông tin Khoa học Pháp lý ISSN: 1859-0160			6/2016	22- 50	2016
7	Kiểm soát thực hiện quyền hành pháp của tòa án Hoa Kỳ và một số khuyến nghị cho Việt Nam	01	Tạp chí nghiên cứu lập pháp ISSN: 1859-2953			17/2019	58-64	2019
8	Hoàn thiện pháp luật hành chính trong thời kì hội nhập và toàn cầu hoá	01	Tạp chí Tổ chức Nhà nước ISSN 2588-137X			3/2018	50-55	2018
9	Trao quyền tự chủ đại học của Nhật Bản và kinh nghiệm đối với Việt Nam	01	Tạp chí Tổ chức Nhà nước ISSN: 2588-137X			9/2019	75-79	2019
10	Reforming law on administrative procedures towards a rule-of-law state in Vietnam ¹²	01		Gdańsk Studies of East Asia ISSN: 2084-2902, e-ISSN 23538724.		Vol. 16/2019	152-163	2019
11	Adoption of the Constitutional Council towards the Rule of Law State and Democratization in Vietnam ¹³	01		Nagoya University Asian Law Bulletin ISSN : 2188-1952		Vol 5.2020.3		2020
12	Đánh giá khung pháp luật về người khuyết tật và nghiên cứu so sánh với công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật	01	Tạp chí Luật học ISSN: 0868-3522			2/2020	30-42	2020
13	Đánh giá chính sách phòng ngừa	01	Tạp chí Nghiên cứu					Dự kiến đăng

¹¹ Kết quả nghiên cứu Đề tài cấp Bộ của nhóm tác giả

¹² Đây là tạp chí quốc tế có phản biện độc lập và xuất bản dưới hình thức bản cứng và trực tuyến: <https://czasopisma.bg.ug.edu.pl/index.php/GSAW/issue/view/319>

¹³ Đây là tạp chí quốc tế có phản biện độc lập và được xuất bản trực tuyến: <http://cale.law.nagoya-u.ac.jp/publication/alb5.html>

	bạo lực và can thiệp hỗ trợ giảm hại đối với người bán dâm		cứu lập pháp ISSN: 1859-2953			5/2020		tháng 5/2020 (có xác nhận)
Báo cáo khoa học tại hội thảo quốc gia, quốc tế có mã số ISBN								
14	Thách thức và giải pháp để Phụ nữ dân tộc thiểu số không bị bỏ lại phía sau	01	Nxb: Đại học Quốc gia Hà Nội ISBN: 978-604-9857-25-6			30- 42	278 -288	2020
15	Development of administrative law in globalization and integration period: A case study of Vietnam	02	Nxb: Đại học Quốc gia Việt Nam ISBN:			7/2020		Đã chấp nhận & Dự kiến đăng 7/2020 (có xác nhận)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo các môn học chuyên ngành luật dạy bằng tiếng Anh và các chuyên đề giảng dạy chương trình thạc sĩ ứng dụng, thạc sĩ nghiên cứu của Trường Đại học Luật Hà Nội.

(i) Môn: Introduction to Vietnamese legal system (môn tự chọn, 02 tín chỉ)

(ii) Môn: Organization and Operation of Judicial Organs in Vietnam (môn tự chọn, 02 tín chỉ)

- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao theo đặc thù đơn vị ngành Nhật Bản học, mã số 7310613, của Trường Đại học Việt Nhật:

(i) Giới thiệu hệ thống pháp luật Việt Nam/Introduction to Vietnamese legal system (04 tín chỉ)

(ii) Hệ thống pháp luật Nhật Bản/Legal System of Japan (04 tín chỉ)

(iii) Luật công ở Nhật Bản/Public Law in Japan (4 tín chỉ)

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

- **Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở và 02 đề tài có thể tính thay thế cho đề tài cơ sở của Trường Đại học Luật Hà Nội:**

(i) **Đề tài nghiên cứu:** *Legal framework on management of foreign workers in Japan and its application for Vietnam.* Đây là đề tài do tổ chức Sumitomo Foundation – Nhật Bản tài trợ theo năm tài chính 2017, và được thực hiện từ tháng 3/2018 đến 3/2019. Ứng cử viên đăng ký đề tài và thực hiện nghiên cứu theo đề xuất là Đại học Nagoya là đơn vị chủ trì. Kết quả nghiên cứu của đề tài được phản biện bởi Giáo sư Supriya Routh, University of Victoria, Canada; Giáo sư ICHIHASHI Katsuya, Đại học Nagoya, Nhật Bản.

Đề tài đã được nghiệm thu tại Trung tâm trao đổi pháp luật Châu Á (CALE)- Đại học Nagoya tổ chức vào ngày 24/1/2019, (có đầy đủ minh chứng).

(ii) Hoặc **Đề tài nghiên cứu:** *Report on reviewing Vietnam's law on person with disabilities in comparison with Convention on the rights of person with disabilities and the best practices.* (Báo cáo đánh giá Luật Người khuyết tật Việt Nam – so sánh với Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật và các kinh nghiệm tốt). Đây là đề tài do tổ chức UNDP hỗ trợ tài chính và kỹ thuật; phối hợp với Cục Bảo trợ xã hội – Bộ Lao Động, Thương Binh, Xã hội thực hiện năm 2019.

Kết quả nghiên cứu của đề tài được báo cáo tại 03 hội thảo do Cục Bảo trợ Xã hội tổ chức tại Thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh và đã có 01 bài tạp chí chấp nhận đăng kết quả nghiên cứu; và được đại diện UNDP chia sẻ tại Lễ kỷ niệm ngày Quốc tế Người khuyết tật ngày 03/12 tại Trung tâm Hội nghị 37 Hùng Vương.

Ứng cử viên là trưởng nhóm nghiên cứu (có đầy đủ minh chứng).

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

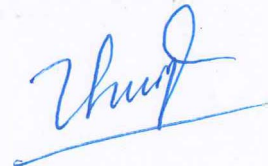
(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Phan Thị Lan Hương